

Kinh tế tự viện của Phật giáo Đài Loan đương đại: nghiên cứu mô hình Phật Quang Sơn

Phạm Thanh Hằng¹

¹ Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.
Email: thanhhanghh2015@gmail.com

Nhận ngày 02 tháng 03 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 04 năm 2021.

Tóm tắt: Phật giáo không chỉ là một đoàn thể tôn giáo tâm linh mà còn là tổ chức mang tính thực thể vững chắc (gồm tăng đoàn, tự viện, các tổ chức từ thiện...) để hỗ trợ cho việc truyền bá và phát triển Phật pháp. Ngày nay, tư tưởng “Phật giáo nhân gian” trong đời sống nhân sinh có mối liên hệ mật thiết đến sự phát triển của mô hình kinh tế tự viện. Chính nhờ nền tảng của kinh tế tự viện, Phật giáo đã nhập thế vào đời sống, đem đến cho con người sự hỗ trợ về vật chất. Hơn thế nữa, thông qua phong trào cải cách Phật giáo, tư tưởng “Phật giáo nhân gian” cũng tạo ảnh hưởng sâu sắc đến hình thức và nội dung của mô hình kinh tế tự viện đương đại.

Từ khóa: Kinh tế tự viện, mô hình, Phật giáo.

Phân loại ngành: Tôn giáo học

Abstract: Buddhism is not only a religious and spiritual grouping but also a solid entity, which includes the Sangha, temples, charity organisations, etc. that support its propagation and development. Today, the thought of "Buddhism in humans' world" that we initiate in human life is closely related to the development of the model of Buddhist temples' economy. It is thanks to the foundation of the economy that Buddhism has entered humans' life, providing them with material support. Moreover, through the movement of Buddhism reform, the thought also exerted profound impact on the form and content of that current economic model.

Keywords: Buddhist temples' economy, model, Buddhism.

Subject classification: Religious studies

1. Mở đầu

Ở Đài Loan, cùng với sức tăng trưởng kinh tế và sự phát triển của xã hội hiện đại, Phật giáo đã quyết định tiến hành sản xuất kinh doanh và tiếp thị niềm tin để thích ứng với những thay đổi trong nhu cầu của thị trường xã hội trong nguồn kinh phí, cơ chế kinh doanh của tự viện Phật giáo Đài Loan đương đại xuất hiện nhiều đặc điểm và xu thế mới; kinh tế tự viện ngày càng trở nên tương thích với nền kinh tế thế tục. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa rằng, kinh tế tự viện ngày nay hoàn toàn trùng khớp với nền kinh tế thế tục, mà thực chất nó là sự chuyển đổi và mở rộng mô hình kinh tế tự viện truyền thống. Hiện nay, Đài Loan đã đạt được nhiều thành công trong phát triển mô hình kinh tế tự viện, thể hiện những nỗ lực truyền bá tư tưởng “Phật giáo nhân gian” vào xã hội đương đại.

Dưới ảnh hưởng của tư tưởng “Phật giáo nhân gian” của đại sư Thái Hư và sau này là sự kế thừa và ứng dụng thực hành của đại sư Tinh Vân, ở Đài Loan đã hình thành một mô hình kinh tế tự viện đương đại với nhiều thành tựu nổi bật, cân bằng và phát triển song song giữa kinh tế, văn hóa và đạo đức xã hội. Kinh tế tự viện (hay còn được gọi là kinh tế chùa chiền, kinh tế Phật giáo) là thuật ngữ để chỉ tất cả các hiện tượng kinh tế khác nhau có liên quan đến tự viện Phật giáo. Bài viết bước đầu tìm hiểu về kinh tế tự viện của Phật giáo Đài Loan đương đại, trong đó tập trung nghiên cứu mô hình kinh tế tự viện được đánh giá là thành công của Phật Quang Sơn; và một số vấn đề đặt ra.

2. Kinh tế tự viện của Phật giáo Đài Loan đương đại

Thứ nhất, nguồn thu nhập kinh tế. Nguồn thu nhập kinh tế của các tự viện đương đại ở Đài Loan so với thời cổ đại đã có sự khác biệt khá lớn cả về hình thức và nội dung. Điều này chủ yếu là do Phật giáo tồn tại trong xã hội loài người, môi trường kinh tế, chính trị, văn hóa của xã hội sẽ định vị cho sự tồn tại của Phật giáo, ảnh hưởng và hạn chế hình thức biểu hiện của nó. Những biến động của tình hình kinh tế, chính trị, xã hội tất yếu dẫn tới những thay đổi trong hình thức của nền kinh tế tự viện Phật giáo. Trong quá trình chuyển đổi từ xã hội nông nghiệp sang xã hội thương mại, kinh tế tự viện Phật giáo cũng ngày càng mang nhiều nét đặc sắc của xã hội công nghiệp và thương mại.

Đại sư Tinh Vân trong một hội thảo về quản lý hành chính tự viện Phật giáo đã khái quát 16 hạng mục trong thu nhập kinh tế của các tự viện đương đại, bao gồm: tiền thuê tài sản chùa, tháp tro cốt, tiền đèn nhang, tiền cúng dường của tín đồ, thực phẩm chay, công nông sản, tiền vay đầu thầu, du lịch, công tác xã hội, phí thành viên, cung cấp dịch vụ, giáo dục văn hóa, quản lý công nghiệp, sự nghiệp hoàng pháp... (Tinh Vân, 1998).

Hà Miên Sơn trong bài viết “Thư bàn về sự thu hút nguồn vốn của Phật giáo Đài Loan đương đại” đã đưa ra 18 hình thức khác nhau, như: lễ hội Phật giáo, thực phẩm chay, khát thực, bán hàng từ thiện, tháp tro cốt, tiền đèn nhang, tổ chức sự kiện, tham quan, xuất bản, hoạt động văn hóa giáo dục,

tiền cúng dường của tín đồ, tiền quyên góp... (Hà Miên Sơn, 2006).

Tựu trung lại, có thể khái quát nên 6 phương diện trong thu nhập kinh tế của các tự viện Phật giáo đương đại Đài Loan, bao gồm: (1) Thu nhập từ lễ hội Phật giáo (thu nhập tự viện có được sau khi cân đối nguồn thu chi từ hoạt động tổ chức lễ hội); (2) Tiền quyên góp của tín đồ (bao gồm số tiền lễ được tín đồ đưa vào hòm công đức, khoản quyên góp lớn từ các ông chủ tài chính cho tự viện và tăng đoàn, tiền quyên góp của tín đồ cho sự tăng hành khất...); (3) Thu nhập từ hoạt động Phật sự (tiền nhang đèn, tháp tro cốt...); (4) Thu nhập từ hoạt động xã hội (công tác từ thiện, văn hóa giáo dục, xuất bản, thu nhập công nghiệp...); (5) Thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ (tham quan du lịch, thực phẩm chay); (6) Thu nhập từ tài sản của tự viện (tiền thuê nhà, đất...).

Nghiên cứu về nguồn thu nhập phong phú của các tự viện Phật giáo Đài Loan, có thể thấy rõ nét đặc sắc thời đại của nó. Về mặt hình thức, kinh tế tự viện áp dụng mô hình quản lý kinh doanh mang tính hiện đại hóa. Công tác từ thiện, văn hóa giáo dục đều được điều hành bởi một hội đồng/ ủy ban chuyên môn. Bằng phương thức này, một mặt, việc sử dụng vốn được nâng cao hiệu quả, mặt khác, tính minh bạch của nguồn kinh phí quyên góp từ nhà tài trợ cũng được tăng cường. Về mặt nội dung, kinh tế tự viện truyền thống chủ yếu dựa trên nguồn thu nhập từ bất động sản thì nay nguồn thu này chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong thu nhập của kinh tế tự viện đương đại. Trong thời kỳ Trung Hoa Dân Quốc (1912-1949), nhiều tự viện sở hữu một lượng lớn diện tích đất đai, chỉ riêng thu nhập từ tiền cho thuê đất đã là một khoản

rất lớn, đủ để duy trì hoạt động của tự viện. Tuy nhiên, hiện nay, thu nhập từ bất động sản chỉ là một khoản không đáng kể, phần lớn thu nhập của các tự viện đương đại ở Đài Loan là từ sự đóng góp của các doanh nghiệp công thương nghiệp và hoạt động kinh doanh công nghiệp của bản thân các tự viện. Sự chuyển đổi nguồn thu nhập của các tự viện phản ánh khá sâu sắc những tác động của quá trình chuyển biến xã hội từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại vào phương diện vật chất của Phật giáo.

Hơn thế nữa, trong các khoản thu nhập của các tự viện đương đại, thu nhập từ các hoạt động xã hội như công tác từ thiện và văn hóa, giáo dục luôn chiếm một tỷ trọng khá lớn, một điều hiếm thấy trong các xã hội truyền thống. Một tổ chức phi lợi nhuận lại có thể đem đến một lượng thu nhập lớn, có thể điều này sẽ khiến nhiều người phải kinh ngạc. Trên thực tế, đây là một biểu hiện của tinh thần thời đại và là nét đặc sắc của các tổ chức từ thiện phi lợi nhuận của Phật giáo, là sự kế thừa và vận dụng tinh thần nhập thế trong triết lý “Phật giáo nhân gian”.

Thứ hai, chi tiêu tài chính cho hoạt động xã hội. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng “Phật giáo nhân gian”, quỹ tài chính của các tự viện Phật giáo Đài Loan đương đại, ngoài việc sử dụng trong chi tiêu hàng ngày của các tăng, ni, một phần lớn được sử dụng cho các hoạt động xã hội. Đại sư Thái Hư trong quá trình cải cách Phật giáo dưới thời Trung Hoa Dân Quốc đã đề cập rằng, các tăng, ni Phật giáo không nên chỉ tập trung vào tu dưỡng cá nhân mà còn cần chú tâm phát huy ưu thế của Phật giáo trong các hoạt động giáo dục, từ thiện nhân đạo, văn hóa và dịch vụ xã hội, để Phật giáo có thể

góp phần vào sự ổn định của xã hội và thế giới. Tư tưởng này của ông đã được những người kế nhiệm của ông thực hiện và sau này được thể hiện thành công trong giáo đoàn Phật Quang Sơn.

Rõ ràng, có thể thấy, dù là vấn đề thu nhập hay vấn đề chi tiêu tài chính của kinh tế tự viện đều chịu ảnh hưởng sâu đậm từ tư tưởng “Phật giáo nhân gian”. Đây là phương thức hoàn toàn mới, khác hoàn toàn so với kinh tế tự viện của Phật giáo truyền thống trong xã hội cổ đại.

3. Mô hình kinh tế tự viện Phật Quang Sơn

Đại sư Tinh Vân chính là người thực hành vĩ đại của tư tưởng đưa Phật giáo nhập thế vào đời sống nhân sinh. Ông đã đưa các triết lý tư tưởng về “Phật giáo nhân gian” của đại sư Thái Hư ứng dụng vào thực tiễn đời sống xã hội. Phật Quang Sơn do ông sáng lập đã trở thành một tăng đoàn Phật giáo hiện đại có sức ảnh hưởng sâu sắc đến hình thái và mô thức của các tự viện đương đại ở Đài Loan, thậm chí có sức ảnh hưởng lớn trên toàn thế giới.

Sự nghiệp của Phật Quang Sơn có thể coi là sự lan tỏa triết lý “Phật giáo nhân gian” dưới vai trò nổi bật của đại sư Tinh Vân. Những thành tựu vĩ đại mà Phật Quang Sơn đạt được thể hiện sâu sắc triết lý này của đại sư, nhờ đó hình thành một vòng tuần hoàn tương tác, cho phép Phật pháp tiếp cận đời sống nhân sinh theo một phương thức sống động hơn và mang lại nhiều lợi ích hơn cho dân chúng, còn dân chúng ngày càng quan tâm nhiều hơn đến Phật pháp. Ngày nay, các hoạt động hoằng pháp của Phật Quang Sơn ở Đài Loan và nước ngoài khiến cho nhiều người có cơ hội

tiếp xúc và tin vào Phật pháp, điều này sẽ giúp cho Phật giáo thực hiện mục tiêu thanh tịnh nhân tâm và ổn định xã hội.

Đại sư Tinh Vân đã từng nói: Phật giáo muốn có tương lai thì cần phải phát huy sự nghiệp. Trong xã hội hiện đại, chế độ quân chủ tập quyền và vương triều phong kiến đã không còn tồn tại, do đó, tiền đề của Phật giáo mấu chốt nằm ở nguồn lực của các tín đồ, công tác hoằng pháp của Phật giáo cần phải dựa trên nguyên tắc “lấy tinh thần xuất thế để thực hiện sự nghiệp nhập thế”. Đứng trước những vấn đề của xã hội hiện đại như: chủ nghĩa khủng bố, HIV - AIDS, ô nhiễm môi trường..., Phật giáo cần có những hành động thiết thực chứ không thể chỉ dựa trên việc tụng kinh, niệm Phật, ngồi thiền, siêu độ và từ bi bởi những việc làm này không thể giải quyết được những vấn đề đặt ra từ thực tiễn. Có thể khẳng định, Phật Quang Sơn đã hiện thực hóa tư tưởng “Phật giáo nhân gian”, đưa Phật giáo hội nhập cùng xã hội, đáp ứng tốt nhu cầu của thời đại.

3.1. Các phương diện hoạt động của Phật Quang Sơn

Công việc kinh doanh của Phật Quang Sơn vô cùng rộng lớn, đúng với câu nói “Phật quang phổ chiếu tam thiên giới, pháp thủy trường lưu ngũ đại châu” (tạm dịch là: Ánh sáng của Đức Phật bao trùm ba nghìn cõi và dòng nước của pháp (ý nói tư tưởng Phật giáo lan truyền) chảy qua năm châu lục).

Về văn hóa và giáo dục, Phật Quang Sơn có đầy đủ hệ thống trường học từ trường mẫu giáo, nhà trẻ, trường tiểu học, trường trung học cho đến trường đại học. Bên cạnh đó là hệ thống viện nghiên cứu, tạp chí, báo, tạp chí học thuật, đài phát thanh, truyền hình, giảng đường, nhà xuất bản,

thư viện... Đây là hoạt động kinh doanh chứ không phải hoạt động từ thiện của Phật Quang Sơn. Tuy nhiên, hoạt động từ thiện của Phật Quang Sơn cũng gây ấn tượng, bao gồm: nhà tình thương, chung cư cho người cao tuổi, trung tâm chăm sóc sức khỏe, phòng khám Phật Quang, bệnh viện Vân Thủy, Hội cứu trợ khẩn cấp, Hiệp hội điều dưỡng Quan Âm... Ngoài ra, Phật Quang Sơn còn tổ chức rất nhiều các hoạt động xã hội với hình thức đa dạng, phong phú, càng khiến nhiều người phải thán phục.

Riêng trong lĩnh vực giáo dục, đây là lĩnh vực Phật Quang Sơn đặc biệt chú trọng. Giáo dục của Phật Quang Sơn bao gồm giáo dục xã hội và giáo dục tăng đoàn. Về giáo dục xã hội, hệ thống trường học được Chính phủ chính thức cho phép thành lập, gồm: Đại học Western Mỹ, Đại học Yilan Foguang, Đại học Chiayi Nanhua, Đại học Sanxia, Đại học Changhua, Trường Trung học Gaoxiong Pumen, Trường Trung học cơ sở, Tiểu học Nantou Juntou và có hơn một chục trường mẫu giáo và nhà trẻ trực thuộc trường Cao đẳng Shenghu, Trường Cao đẳng Weimo, Học viện Phật giáo Dushi, Trung tâm phát triển giáo dục mầm non... thậm chí còn có gần 50 trường Trung Hoa trên khắp năm châu lục. Về giáo dục tăng đoàn, Phật Quang Sơn có bề dày lịch sử trong giáo dục tăng đoàn, với hệ thống học viện giáo dục trên khắp thế giới. Các học viện trực thuộc Phật Quang Sơn gồm Viện Nghiên cứu Phật giáo Trung Quốc, Học viện Tùng Lâm, Học viện Phật giáo Đông phương... Phật Quang Sơn cũng rất coi trọng việc gửi người đi đào tạo quốc tế, hàng năm nhiều sư tăng được cử đi đào tạo chuyên sâu ở nước ngoài và được nhận bằng thạc sĩ, tiến sĩ nước ngoài. Điều này

góp phần đào tạo một đội ngũ tăng tài cho Phật giáo, đồng thời chuẩn bị lực lượng nhân sĩ dự nguồn bổ sung cho Phật Quang Sơn (Mãn Nghĩa, 2005, tr.103, 106).

Trong lĩnh vực văn hóa, Hội đồng Văn hóa giáo dục Phật Quang Sơn được thành lập năm 1987 nhằm thúc đẩy nhiều hoạt động văn hóa và giáo dục, bao gồm: xuất bản Đại tạng kinh điện tử, tổ chức các hội nghị học thuật quốc tế, xuất bản các ấn phẩm báo và tạp chí định kỳ. Ngoài ra, Phật Quang Sơn còn có Nhà xuất bản Phật Quang, các công ty văn hóa, trung tâm nghe nhìn, trung tâm dịch thuật, thư viện, hiệu sách, và thậm chí cả Đài phát thanh và truyền hình Phật Quang thuộc quyền quản lý và trực thuộc của Học viện Văn hóa (Mãn Nghĩa, 2005, tr.111).

Về hoạt động từ thiện, ngoài những hình thức cứu trợ từ thiện thông thường diễn ra liên tục trong năm, Phật Quang Sơn còn tổ chức cứu trợ khẩn cấp trong mỗi đợt thiên tai lớn và mỗi lần có thể phát động quyên góp tới hàng triệu đô la. Tuy nhiên, đại sư Tinh Vân chỉ coi từ thiện như một hành động độ thế cho nhân sinh, còn văn hóa và giáo dục mới được coi là đích đến thực sự có thể cứu rỗi trái tim mọi người và khiến mọi người chân thành khâm phục cái nhìn sâu sắc và bản chất chân chính của Phật giáo.

Ngoài các hoạt động kể trên, nhiều hoạt động đa dạng khác của Phật Quang Sơn cũng khá đặc sắc và có ý nghĩa như: trại hè Phật giáo dành cho giáo viên, thiếu nhi, người già; đội ca hát Phật giáo, đám cưới Phật giáo, hội tín đồ đồng hương... (Mãn Nghĩa, 2005, tr.118-119). Các hoạt động này thu hút được khá nhiều sự quan tâm

của dân chúng và có sức ảnh hưởng khá sâu rộng.

Mặc dù Phật Quang Sơn có thu nhập kinh tế rất lớn nhưng cũng có nhiều khoản chi. Ông Jiang Canteng chỉ ra rằng, để ngăn chặn tiền bạc trở thành nguồn gốc tranh chấp trong tự viện, đại sư Tinh Vân đã áp dụng phương pháp kinh tế không tích lũy và mắc nợ nhẹ, để các khoản quyên góp của các tín đồ liên tục được sử dụng vào đầu tư và không bao giờ để tình trạng các khoản tiền quyên góp được giữ lại bên sư phụ hoặc các đệ tử. Bằng cách đó, tiền mặt sẽ nhanh chóng được chuyển thành tài sản (Giang Xán Đăng, 1998). Có thể thấy rằng, những thành tựu vĩ đại của Phật Quang Sơn có liên quan chặt chẽ đến việc xử lý vấn đề tài chính một cách khéo léo của đại sư Tinh Vân, và điều đó cũng chứng minh một cách sâu sắc và thuyết phục rằng, chỉ có thông qua sự tu tập kiên định, vững vàng, không màng đến tiền tài, danh vọng thì mới có thể đạt tới một tấm lòng chân chính thực sự và mới đạt được thành tựu bền vững.

3.2. Đặc điểm kinh doanh của Phật Quang Sơn

Thứ nhất, về nguồn thu nhập, Phật Quang Sơn huy động nhiều người quyên góp cùng một lúc với một lượng tiền nhỏ rồi tập hợp lại thành một khoản quyên góp lớn, chứ không chỉ dựa trên sự khuyến khích quyên góp một khoản tiền lớn từ một vài ông chủ tài chính giàu có như cách làm của các tự viện truyền thống. Đại sư Tinh Vân cho phép hình thức quyên góp phân kỳ để dùng cho các hoạt động xây dựng, sửa chữa tự viện, điều này khuyến khích nhiều nguồn lực của tín đồ cùng tham gia đóng góp cho các hoạt động của Phật giáo.

Thứ hai, về chỉ tiêu nguồn tài trợ của Phật Quang Sơn, mặc dù mang tính thời đại nhưng không bao giờ tách rời tôn chỉ, mục đích của Phật giáo. Pháp sư Mãn Nghĩa trong cuốn “Phật giáo nhân gian trong mô hình Tinh Vân” chỉ ra rằng: từ thiện là điều mọi người đều có thể làm, đó không chỉ là công việc đặc thù của riêng Phật giáo, do đó, Phật Quang Sơn làm từ thiện như một niềm vui, còn văn hóa, giáo dục mới là lĩnh vực lý tưởng cần phải phát huy, đó là việc không phải ai cũng làm được, không phải ai cũng có thể đầu tư, suy cho đến cùng đây mới là sự nghiệp từ thiện cứu vớt nhân tâm con người. Chính vì vậy, Phật Quang Sơn quyết tâm thúc đẩy văn hóa, giáo dục. Sự nghiệp văn hóa, giáo dục có thể coi là trọng tâm trong công tác hoằng pháp của Phật Quang Sơn và nguồn tài trợ của các cá nhân, doanh nghiệp sẽ tập trung phục vụ cho mục đích này.

Thứ ba, sự nghiệp và công tác hoằng pháp của Phật Quang Sơn mang tính quốc tế. Phật Quang Sơn phát triển mô hình trên diện rộng với quy mô lớn và mang màu sắc quốc tế. Phật Quang Sơn có hệ thống hơn 200 tự viện và đạo trường trên khắp năm châu lục, hơn 100 hiệp hội tại hơn 70 quốc gia và vùng lãnh thổ. Rõ ràng điều này thể hiện tầm nhìn và chiến lược toàn cầu của đại sư Tinh Vân. Chính tầm nhìn này của đại sư Tinh Vân đã đưa Phật Quang Sơn ra thế giới, phát triển phù hợp với xu thế toàn cầu hóa, phản ánh rõ nét tính quốc tế hóa. Đặc điểm quốc tế này sẽ làm tăng sức ảnh hưởng của Phật Quang Sơn trên thế giới.

Thứ tư, quy mô của Phật Quang Sơn rất lớn, có thể tạo ra hiệu ứng và lợi nhuận ở quy mô lớn. Phật Quang Sơn do đại sư Tinh Vân sáng lập có thể được mô tả là một tập đoàn hoằng pháp siêu cấp, các loại hình

hoạt động kinh doanh rất đa dạng và có liên quan chặt chẽ với nhau. Điều này tạo điều kiện hết sức thuận lợi để Phật Quang Sơn có thể phát triển ở quy mô lớn. So sánh với quy mô và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp trong xã hội, Phật Quang Sơn không hề thua kém.

4. Một số vấn đề đặt ra

Qua nghiên cứu kinh tế tự viện Phật Quang Sơn, có thể nhận thấy, nền kinh tế tự viện đương đại của Đài Loan đã tạo ra một thành tựu đáng ngưỡng vọng. Các tự viện Phật giáo Đài Loan đã rất linh hoạt thích ứng với quá trình biến đổi xã hội, từ xã hội nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại, tự điều chỉnh và cải cách cho phù hợp hơn với nhu cầu tôn giáo của người dân trong cộng đồng, nhất là giới doanh nghiệp. Nhờ đó, các tự viện đương đại đã thu hút được nguồn tài trợ khổng lồ từ xã hội. Chính nhờ nguồn tài trợ lớn này cho kinh tế tự viện mà tư tưởng “Phật giáo nhân gian” có được nền tảng hỗ trợ vật chất hết sức mạnh mẽ; đồng thời chính nhờ sự lớn mạnh, của kinh tế tự viện, sự hưng thịnh của các loại hình hoạt động khiến cho những ý tưởng đề xuất trong “Phật giáo nhân gian” được phát huy tốt hơn, tín đồ đến với các tự viện ngày càng nhiều hơn, số tiền quyên góp ngày càng lớn, kinh tế tự viện lại tiếp tục được cung cấp cơ hội tốt để phát triển. Sự phát triển phát đạt của kinh tế tự viện có với mục tiêu cuối cùng là cải thiện phúc lợi xã hội chứ không chỉ tập trung nhấn mạnh vào sự phát triển kinh tế, do đó đã góp phần điều hòa mâu thuẫn, giảm bớt xung đột của xã hội thương mại và trở thành một bộ phận hữu cơ của toàn bộ nền kinh tế xã hội.

Bên cạnh đó, chúng ta cũng cần phải lưu tâm đến những vấn đề rất đáng lo ngại trong sự phát triển của kinh tế tự viện ở Đài Loan.

Một là, quy mô phát triển của kinh tế tự viện. Kinh tế tự viện nhìn chung là một loại hình kinh tế tiêu dùng, mặc dù từ các tự viện cổ đại cho đến đương đại đều có cơ chế tự dưỡng bên cạnh việc tiếp nhận tiền bố thí và quyên góp nhưng về cơ bản, nó không phải là loại hình kinh tế sản xuất. Trong xã hội nông nghiệp truyền thống, sự bành trướng của kinh tế tự viện làm ảnh hưởng tới trật tự thông thường của xã hội. Kinh tế tự viện chiếm quá nhiều nguồn lực xã hội và liên quan quá lớn đến chính phủ cũng như toàn xã hội. Trong lịch sử, các sự kiện đàn áp, tiêu diệt Phật giáo vẫn còn được ghi rõ, trong đó nguyên nhân kinh tế dẫn tới tình trạng này là vấn đề đáng suy ngẫm đối với nền kinh tế tự viện đương đại. Xét cho đến cùng, một tăng đoàn tu sĩ sở hữu một khối tài sản khổng lồ như vậy thì không chỉ thuần túy là một nhóm hành giả trong xã hội, mà đã có sức ảnh hưởng lớn đối với nền kinh tế, chính trị và xã hội.

Xã hội thương mại hiện đại là xã hội dựa trên phương thức tiêu dùng, tiêu dùng là động lực chủ yếu thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế. Do đó, tính tiêu dùng trong nền kinh tế tự viện, về mặt lý luận, hoặc có thể trở thành gánh nặng cho xã hội hoặc có thể trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, khi quy mô của tự viện quá lớn, sẽ rất khó giám chi tiêu, do đó sẽ dẫn tới những căng thẳng về chi phí tài chính, tới những vấn đề kinh tế trong nội bộ tăng đoàn. Đó là còn chưa kể đến những ảnh hưởng tiêu cực và sự gia tăng gánh nặng trong sự phát triển của kinh tế tự viện đối với xã hội. Do đó, ngay cả khi chưa

xuất hiện những ảnh hưởng tiêu cực, kinh tế tự viện vẫn cần chú ý đến vấn đề quy mô phù hợp trong sự phát triển của nó. Sự phát đạt, dư giả của nền kinh tế tự viện chắc chắn là một bảo đảm vật chất cần thiết cho sự phát triển của Phật giáo nhưng nếu quy mô kinh tế quá lớn, đòi hỏi nguồn nhân lực, vật lực và nguồn vốn quá cao sẽ dẫn tới chệch hướng tôn chỉ, mục đích của công tác hoằng pháp. Chính vì vậy, việc duy trì một quy mô tự viện vừa phải là vấn đề rất đáng được lưu tâm.

Hai là, mâu thuẫn giữa sự phát triển hiện đại của kinh tế tự viện và quan điểm truyền thống của Phật giáo. Theo quan điểm truyền thống, Phật giáo cần sự thanh tịnh, an nhiên, tự tại, không nhiễm bụi trần. Quá trình Phật giáo gia nhập vào đời sống thế tục không ngừng đặt ra những thách thức đối với quan điểm truyền thống của Phật giáo. Trong những thách thức đó, một số có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự tiếp nhận giáo lý Phật giáo của chúng sinh (như phương pháp truyền giảng đạo pháp và hoằng pháp linh hoạt của đại sư Tinh Vân), trong khi một số thách thức có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đối với Phật giáo (đặc biệt là các vấn đề kinh tế có nhiều khả năng khơi dậy sự chú ý và cái nhìn không mấy thiện cảm của mọi người). Cụ thể như trường hợp một nhà sư ở tỉnh Thiểm Tây (Trung Quốc) công khai mở một tài khoản tại sàn giao dịch chứng khoán để giao dịch cổ phiếu, dẫn đến những chỉ trích và sự kỳ thị trong xã hội. Không cần đề cập đến ý định của nhà sư này là gì nhưng theo cách như vậy là hoàn toàn trái với hình ảnh của Phật giáo truyền thống, rất khó được xã hội chấp nhận.

Chính vì vậy, sự phát triển của kinh tế tự viện, đặc biệt là tài sản cá nhân và tình hình

kinh tế của sư tăng, cần phải được xử lý hết sức thận trọng. Bởi tăng đoàn Phật giáo rốt cuộc là một đoàn thể theo đuổi sự giải thoát cho bản thân và chúng sinh, nếu như Phật giáo thách thức quá lớn đối với quan điểm truyền thống này thì hoàn toàn không lợi cho sự phát triển của chính bản thân Phật giáo.

Ba là, mâu thuẫn giữa sự phát triển hiện đại của kinh tế tự viện và giới luật của Phật giáo. Trên thực tế, giới luật của Phật giáo có nhiều quy định về vấn đề tài sản và kinh tế, song quy định trong các bộ luật khác nhau cũng có những điểm mâu thuẫn. Sự phân rẽ thành các bộ phái khác nhau trong Phật giáo ở Ấn Độ cổ đại ở một mức độ nhất định là do những mâu thuẫn trong quan điểm về lợi ích kinh tế. Làm thế nào để giữ cho tăng đoàn không bị chia rẽ nội bộ vì vấn đề kinh tế, làm thế nào để giải quyết hài hòa vấn đề mâu thuẫn giữa nền kinh tế tự viện đương đại với giới luật truyền thống, đang là vấn đề nan giải mà các tự viện Phật giáo đương đại phải đối mặt.

Ở Ấn Độ cổ đại, các tăng đoàn Phật giáo xuất hiện dưới hình tượng tu sĩ khát thực xin ăn và phong tục xã hội chấp nhận việc xin ăn đó, coi đó là biểu trưng của sự tinh khiết và cao quý. Nhưng sau đó, khi truyền sang Trung Quốc, việc khát thực xin ăn bị xã hội và dân chúng coi thường, tín đồ cũng không muốn nhìn thấy các vị tăng sĩ đáng kính của họ phải đi cầu xin thực phẩm để sinh tồn, vì vậy họ quyên góp nguồn tài sản lớn cho tự viện và tài sản này dần trở thành nguồn gốc của nền kinh tế tự viện. Đây chính là sự thích ứng uyển chuyển, linh hoạt của Phật giáo với xã hội.

Bước vào thời hiện đại, đứng trước sự hoài nghi của xã hội về việc Phật giáo

không sản xuất để tự dưỡng, các tự viện thậm chí còn đưa ra khẩu hiệu “đi tự dưỡng tự” (tức là chùa tự nuôi chùa), kêu gọi Phật giáo tự phát triển kinh tế để nuôi sống bản thân, để không tạo ra gánh nặng cho xã hội. Tuy nhiên, cho dù các tự viện có thể tự kinh doanh để nuôi sống bản thân thì tính tiêu dùng của tự viện và tiền bố thí, quyên góp của xã hội vẫn giữ một vị trí quan trọng không thể thay thế bởi tính tiêu dùng của tự viện góp phần thực hiện hiệu quả tiền bố thí, quyên góp. Quyên góp là sợi dây liên kết quan trọng giữa tự viện và xã hội. Chính vì lý do này, một số người cho rằng, việc kinh tế tự viện Phật giáo có thể đạt tới sự tự chủ, độc lập hoàn toàn chưa hẳn đã là một việc hoàn toàn tốt đẹp, tiếp nhận bố thí và cúng dường của Phật tử là xu hướng mà Phật giáo nên duy trì và gìn giữ. Kinh tế tự viện có phát triển rực rỡ đến đâu thì nó cũng không thể mất đi bản chất của Phật giáo nguyên thủy.

5. Kết luận

Trong sự chuyển đổi và phát triển mạnh mẽ của mô hình kinh tế tự viện Đài Loan đương đại, vấn đề vô cùng quan trọng đặt ra, là làm thế nào để xử lý thỏa đáng mối quan hệ giữa kinh tế tự viện với giới luật Phật giáo và bản chất của Phật giáo. Đại sư Tinh Vân đã từng nói: “Chức năng lớn nhất của Phật giáo là truyền bá Phật pháp thông qua văn hóa, giáo dục, thanh tịnh nhân tâm và cải thiện bầu không khí xã hội; thậm chí còn thông qua Phật pháp để khai mở trí tuệ, khiến cho mọi người hiểu được ý nghĩa của

sự sống, nhờ đó giải tỏa những rắc rối, đạt tới sự thăng hoa về tinh thần, đó mới là bản chất của Phật giáo, là sự quý giá của Phật giáo” (Mãn Nghĩa, 2005, tr.152). Do đó, mục đích của sự phát triển kinh tế tự viện chính là không đánh mất bản chất của Phật giáo, hòa nhập sâu sắc vào triết lý của Phật giáo nhân gian, để triển khai sự nghiệp hoằng pháp làm lợi cho nhân sinh trên các phương diện như văn hóa, giáo dục, từ thiện nhân đạo, thay vì thu lợi từ một thực thể kinh tế với quy mô lớn. Đây là vấn đề rất đáng suy ngẫm.

Tài liệu tham khảo

1. Giang Xán Đăng (1998), *Phật giáo đương đại Đài Loan*, Hiệu sách Nam Thiên, Đài Loan. 江灿腾 (1998), *台湾当代佛教*, 南天书局, 台湾).
2. Mãn Nghĩa (2005), *Phật giáo nhân gian theo mô hình Tinh Vân*, Công ty xuất bản hữu hạn văn hóa Hương Hải, Đài Loan. (满义 (2005), *星云模式的人间佛教*, 香海文化有限公司, 台湾).
3. Hà Miên Sơn (2006), “Thư bàn về sự thu hút nguồn vốn của Phật giáo Đài Loan đương đại”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo Thế giới*, số 4. (何绵山 (2006). *试论当代台湾佛教界对资金的吸纳*, 世界宗教研究, (4)).
4. Tinh Vân (1998), “Nguồn thu của kinh tế tự viện Phật giáo”, Nội san *Phật Quang Sơn*, Đài Loan. (星云 (1998), *佛教寺院经济来源*, 佛光山内部刊物, 台湾).